TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Nam.

2. Bà Trần Thị Kim Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Thị B**, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị B trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 29/8/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2023, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 04/2023 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn Đ có 01 con chung tên Lê Hồ Xuân H1, sinh ngày 02/12/2016 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Hồ Thị B vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia đầy đủ các phiên tòa, phiên họp là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Thị B ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Hồ Xuân H1, sinh ngày 02/12/2016 cho chị Hồ Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị B không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Hồ Thị B xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị B vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị B và anh Lê Văn Đ thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 29/8/2016 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Hồ Thị B xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 04/2023 đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Văn Đ nhiều lần đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị B xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Hồ Thị B và Lê Văn Đ có 01 con chung tên Lê Hồ Xuân H1, sinh ngày 02/12/2016 hiện đang sống chung với chị B. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu H1 từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và ông bà ngoại, cháu được chị B chăm sóc chu đáo và cho học hành đầy đủ, việc này được bà Nguyễn Thị H2 là mẹ ruột của anh Đ xác định. Mặt khác, anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng và bản sao đơn khởi kiện nhưng không có ý kiến về việc chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống và theo nguyện

vọng của cháu H1 nên cần tiếp tục giao cháu Lê Hồ Xuân H1, sinh ngày 02/12/2016 cho chị Hồ Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Hồ Thị B là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Hồ Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hồ Thị B có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị B.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Thị B được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hồ Xuân H1, sinh ngày 02/12/2016 cho chị Hồ Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị B có nghĩa vụ nộp 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011587 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị B không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 48 ngày 29/8/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga